

BÀI 6: CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN.

- Câu 1:** Cơ quan nào sau đây **không** có thẩm quyền ra lệnh bắt bị can, bị cáo để tạm giam?
- Viện kiểm sát nhân dân các cấp.
 - Tòa án nhân dân các cấp.
 - Cơ quan điều tra các cấp.
 - Ủy ban nhân dân.
- Câu 2:** Trong Hiến pháp và pháp luật nước ta, quyền có vị trí quan trọng nhất và không tách rời với mỗi công dân là
- quyền tự do cơ bản.
 - quyền bình đẳng.
 - quyền được sống.
 - quyền tự do ngôn luận.
- Câu 3:** Quyền tự do cơ bản của công dân đóng vai trò quan trọng nhất là
- quyền bất khả xâm phạm về thân thể.
 - quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.
 - quyền đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
 - quyền tự do ngôn luận.
- Câu 4:** Hành vi nào sau đây vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân?
- Đánh người gây thương tích.
 - Bắt giam giữ người trái pháp luật.
 - Khám xét nhà khi không có lệnh.
 - Tự tiện bóc mở thư tín của người khác.
- Câu 5:** Trong trường hợp nào thì bất cứ ai cũng có quyền bắt người?
- Người đang bị truy nã.
 - Người phạm tội lần đầu.
 - Người phạm tội rất nghiêm trọng.
 - Bị cáo có ý định bỏ trốn.
- Câu 6:** Để bắt người đúng pháp luật, ngoài thẩm quyền và trình tự, chúng ta cần tuân thủ qui định nào khác của pháp luật?
- Đúng công đoạn.
 - Đúng thủ tục.
 - Đúng giai đoạn.
 - Đúng thời điểm.
- Câu 7:** Hành vi nào sau đây vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân?
- Đặt điều nói xấu, vu cáo người khác.
 - Tự ý bóc thư của người khác.
 - Giam giữ người quá thời hạn qui định.
 - Tự tiện khám chỗ ở của người khác.
- Câu 8:** Nhận định nào sau đây là **sai** khi nói về quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân?
- Dù là ai, ở cương vị nào cũng không có quyền bắt và giam giữ người vì bất cứ lý do gì.
 - Quyền bất khả xâm phạm về thân thể là một trong những quyền tự do cá nhân quan trọng nhất.
 - Người thi hành lệnh bắt người trong mọi trường hợp đều phải ghi biên bản
 - Khi gặp người bị truy nã thì ai cũng có quyền bắt giữ.

Câu 9: Cơ quan nào có quyền bắt giữ bị can, bị cáo để tạm giam khi có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội?

- A. Ủy ban nhân dân các cấp.
- B. Viện kiểm sát, tòa án nhân dân các cấp.
- C. Cơ quan hành chính nhà nước.
- D. Hội đồng nhân dân các cấp.

Câu 10: Để thực hiện quyền tự do cơ bản, công dân cần tránh việc làm nào sau đây?

- A. Tìm hiểu các quyền tự do cơ bản của mình.
- B. Không tố cáo những việc làm trái pháp luật của người khác.
- C. Không ngừng nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.
- D. Tích cực giúp đỡ các cơ quan nhà nước thi hành pháp luật.

Câu 11: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân có nghĩa là

- A. trong mọi trường hợp không ai có thể bị bắt.
- B. công an có thể bắt người nếu nghi phạm tội.
- C. trong mọi trường hợp chỉ được bắt người khi có quyết định của tòa án.
- D. việc bắt người phải theo qui định của pháp luật.

Câu 12: Hành vi nào sau đây **không** vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể?

- A. Công an bắt giam người vì nghi lấy trộm xe máy.
- B. Giam giữ người quá thời hạn qui định.
- C. Bắt người theo quyết định của Tòa án.
- D. Bắt người không có lý do.

Câu 13: Pháp luật qui định quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Ngăn chặn mọi hành vi tùy tiện bắt giữ người trái qui định của pháp luật.
- B. Xác định địa vị pháp lý của công dân trong mối quan hệ với nhà nước và xã hội.
- C. Tránh mọi hành vi tùy tiện của bất kì ai, cũng như hành vi lạm dụng quyền hạn của các cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước trong khi thi hành công vụ.
- D. Tạo ra điều kiện cần thiết để đảm bảo đời sống riêng tư của mỗi cá nhân trong xã hội.

Câu 14: “Ông A mất xe máy và khẩn cấp trình báo với công an phường. Trong việc này, ông A khẳng định anh X là người lấy cắp. Dựa vào lời khai báo của ông A, công an phường đã ngay lập tức bắt giam anh X”. *Theo em, việc làm của công an phường đã vi phạm quyền tự do cơ bản nào của công dân?*

- A. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.
- B. Quyền pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của công dân.
- C. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.
- D. Quyền tự do ngôn luận.

Câu 15: Khi bắt được người phạm tội truy nã thì phải giải ngay đến đâu?

- A. Chính quyền địa phương nơi cư trú của kẻ đã phạm tội.
- B. Cơ quan công an, Viện kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất.
- C. Chỉ được giải đến cơ quan công an gần nhất.
- D. Chỉ được giải đến Ủy ban nhân dân gần nhất.

Câu 16: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân là một trong những quyền tự do cá nhân quan trọng nhất, liên quan đến quyền nào của con người?

- A. Quyền về tự do thân thể và phẩm giá con người.
- B. Quyền được sống trong tự do của con người.
- C. Quyền về bí mật đời tư của cá nhân.
- D. Quyền được bày tỏ quan điểm, ý kiến.

Câu 17: Theo qui định của pháp luật, trong mọi trường hợp người ra lệnh bắt khẩn cấp phải báo ngay bằng văn bản cho cơ quan nào?

- A. Ủy ban nhân dân.
- B. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên.
- C. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.
- D. Hội đồng nhân dân.

Câu 18: Trong thời hạn bao lâu, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn lệnh bắt người khẩn cấp?

- A. 12 giờ kể từ khi nhận được đề nghị xét phê chuẩn.
- B. 18 giờ kể từ khi nhận được đề nghị xét phê chuẩn.
- C. 20 giờ kể từ khi nhận được đề nghị xét phê chuẩn.
- D. 24 giờ kể từ khi nhận được đề nghị xét phê chuẩn.

Câu 19: Để bảo đảm các quyền tự do cơ bản của công dân, nhà nước ta phải làm gì?

- A. Quy định quyền và nghĩa vụ của công dân.
- B. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật cho người dân.
- C. Ban hành pháp luật và xử lý nghiêm khắc các hành vi xâm phạm đến các quyền tự do cơ bản của công dân.
- D. Khẳng định bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp của công dân.

Câu 20: Quyền nào sau đây được xem là bảo vệ quyền con người – quyền công dân trong một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh?

- A. Quyền tự do ngôn luận.
- B. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.
- C. Quyền được pháp luật bảo vệ về sức khỏe.
- D. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.

Câu 21: Công an bắt người trong trường hợp nào dưới đây thì **không** vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể?

- A. Hai học sinh trong lớp gây mất trật tự.
- B. Hai nhà hàng xóm to tiếng với nhau.
- C. Tung tin, bịa đặt nói xấu người khác.
- D. Một người đang bê khóa lấy trộm xe máy.

Câu 22: Trường hợp nào sau đây **vi phạm** quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân?

- A. Công an bắt người vì nghi lấy trộm xe máy.
- B. Công an bắt giữ người theo quyết định của Tòa án.
- C. Công dân bắt giữ đối tượng đang bị truy nã.
- D. Công an bắt giữ đối tượng đang cướp giật.

Câu 23: Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân là quyền

- A. tự do tuyệt đối của công dân.
- B. tự do hợp pháp của công dân.
- C. tự do cơ bản của công dân.
- D. cơ bản của công dân.

Câu 24: Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân được ghi nhận tại

- A. Điều 20 Hiến pháp năm 2013.
- B. Điều 21 Hiến pháp năm 2013.
- C. Điều 22 Hiến pháp năm 2013.
- D. Điều 23 Hiến pháp năm 2013.

Câu 25: Trong Bộ luật Tố tụng Hình sự ở nước ta, quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân được quy định thành một

- A. điều luật.
- B. quy tắc.
- C. nguyên tắc.
- D. quy phạm.

Câu 26: Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân có nghĩa là

- A. công dân có quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, được bảo vệ danh dự và nhân phẩm của mình.
- B. công dân có quyền được tự do cá nhân.
- C. công dân có quyền được tôn trọng.
- D. công dân có quyền được sống tự do.

Câu 27: Không ai được xâm phạm tới tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của người khác là quyền

- A. được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân.
- B. tự do tuyệt đối của công dân.
- C. tự do hợp pháp của công dân.
- D. được sống tự do của công dân.

Câu 28: Xâm phạm tới tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của người khác là hành vi vi phạm

- A. pháp luật.
- B. kỉ luật.
- C. hành chính.
- D. dân sự.

Câu 29: Hành động giết người, làm chết người là hành vi xâm phạm đến

- A. quyền của công dân.
- B. quyền bảo hộ sinh mệnh của công dân.
- C. quyền bảo hộ tự do của công dân.
- D. tính mạng, sức khỏe của công dân.

Câu 30: Hành vi đe dọa giết người là hành vi xâm phạm đến

- A. quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- B. quyền bảo hộ sinh mệnh của công dân.
- C. quyền bảo hộ tự do của công dân.
- D. tính mạng, sức khỏe của công dân.

Câu 31: Hành vi hung hãn, côn đồ, đánh người gây thương tích là hành vi

- A. xâm phạm tới tính mạng, sức khỏe của người khác.
- B. xâm phạm về thân thể của công dân.
- C. xâm phạm đến tự do của công dân.
- D. xâm phạm nhân phẩm của công dân.

Câu 32: Hành vi giết người, cướp của

- A. là hành vi xâm phạm tới tính mạng của người khác.
- B. là hành vi cố ý xâm phạm tới tính mạng của người khác.
- C. là hành vi vô ý xâm phạm tới tính mạng của người khác.
- D. là hành vi xâm phạm tới tính mạng và tài sản của người khác.

- Câu 33:** Hành vi xâm phạm đến danh dự và nhân phẩm của người khác là hành vi
- hung hãn, côn đồ với người khác.
 - bịa đặt, xúc phạm người khác.
 - đánh người gây thương tích.
 - làm tổn hại sức khỏe của người khác.
- Câu 34:** Hành vi xâm phạm đến tính mạng của người khác là hành vi
- đe dọa giết người.
 - gây thiệt hại cho người khác.
 - bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
 - xâm phạm về cơ thể của công dân.
- Câu 35:** A dùng gậy đánh vào chân B, B phải vào viện điều trị và để lại thương tật ở chân. A đã xâm phạm tới
- thân thể của B.
 - sức khỏe của B.
 - nhân phẩm của B.
 - tính mạng của B.
- Câu 36:** Mọi hành vi xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của công dân đều
- trái với đạo đức xã hội.
 - vi phạm pháp luật.
 - vi phạm pháp luật, phải xử lý theo quy định của pháp luật.
 - vừa trái với đạo đức xã hội, vừa vi phạm pháp luật, phải bị xử lý theo pháp luật.
- Câu 37:** Hành vi bịa đặt, tung tin xấu, xúc phạm người khác là xâm phạm đến
- uy tín của người khác.
 - danh dự của người khác.
 - danh dự và nhân phẩm của người khác.
 - sức khỏe của người khác.
- Câu 38:** Anh B đang phá khóa xe máy khách hàng, hai bảo vệ cửa hàng phát hiện xông vào đánh B. Hành động đó của hai bảo vệ
- là đúng, vì đó công việc bảo vệ cửa hàng của họ.
 - là bảo vệ tài sản của khách hàng.
 - là xâm phạm đến sức khỏe của người khác.
 - làm ảnh hưởng đến sức khỏe của B.
- Câu 39:** Do nghi ngờ An lấy cắp máy tính của mình, Hà đã tung tin, nói xấu, xúc phạm đến An. Đây là hành vi xâm phạm đến
- danh dự và uy tín của người khác.
 - danh dự và nhân phẩm của người khác.
 - lòng tự trọng của người khác.
 - uy tín của người khác.
- Câu 40:** Hành động nào sau đây là xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của công dân?
- Lan mắng nhiếc B ở chợ.
 - An đặt điều, nói xấu Hoa.
 - Hùng bị bỏ bỏ đói nhiều ngày.
 - Lâm cướp giật tài sản của người khác.

Câu 41: Hành động nào sau đây là xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của công dân?

- A. Bình tháo khóa xe máy.
- B. Hùng đánh bạn trọng thương.
- C. Lấy cắp điện thoại của người khác.
- D. Chửi đồng nhà hàng xóm.

Câu 42: Mắng nhiếc, chửi bới nhà hàng xóm là hành vi xâm phạm đến

- A. uy tín của người hàng xóm.
- B. tự trọng của người hàng xóm.
- C. danh dự, nhân phẩm của người khác.
- D. sức khỏe của người hàng xóm.

Câu 43: Xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự và nhân phẩm của người khác là phải chịu trách nhiệm pháp lý

- A. hình sự.
- B. hành chính.
- C. dân sự.
- D. kỉ luật.

Câu 44: Hành động mắng nhiếc, nhốt vào phòng kín và bỏ đói người khác là hành vi xâm phạm đến

- A. tính mạng của người khác.
- B. danh dự và nhân phẩm của người khác.
- C. tính mạng và sức khỏe của người khác.
- D. tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của người khác.

Câu 45: Hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của công dân là hành vi

- A. trái với đạo đức xã hội.
- B. trái pháp luật.
- C. trái pháp luật, phải xử lí theo quy định của pháp luật.
- D. vi phạm pháp luật, phải xử lí theo quy định của pháp luật.

Câu 46: Hành vi nào sau đây **không** xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác?

- A. Bỏ đói người khác.
- B. Đánh người khác trọng thương.
- C. Giật dây chuyền của người đi đường.
- D. Trộm cắp tài sản của người khác.

Câu 47: Hành vi nào sau đây **không** xâm phạm đến danh dự và nhân phẩm của công dân?

- A. Nhốt, bỏ đói A .
- B. Tung tin sai về người khác.
- C. Lãng mạ người đi đường.
- D. A vu cáo B lấy cắp tiền của mình.

Câu 48: Cố ý làm nhục người khác thì phải chịu trách nhiệm pháp lý

- A. hình sự.
- B. hành chính.
- C. dân sự.
- D. kỉ luật.

Câu 49: Hành vi nào sau đây phải chịu trách nhiệm pháp lý hình sự?

- A. Vu khống người khác.
- B. Đánh người gây thương tích 10%.
- C. Đi xe máy gây tai nạn.
- D. Tụ tập gây rối mất trật tự.

Câu 50: Hành vi nào sau đây **không** phải chịu trách nhiệm pháp lý hình sự?

- A. Tạt axít vào người khác.
- B. Nhốt và bỏ đói người khác.
- C. Làm nhục người khác.
- D. A đánh B gây thương tích 5%.

Câu 51: Loạn truyền những thông tin sai sự thật để tố cáo người khác là hành vi xâm phạm đến

- A. quyền được sống tự do của công dân.
- B. quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- C. tính mạng, sức khỏe của người khác.
- D. danh dự và nhân phẩm của người khác.

Câu 52: Loạn truyền những điều biết rõ là bịa đặt nhằm xúc phạm người khác thì phải chịu trách nhiệm pháp lý nào sau đây?

- A. Hình sự.
- B. Hành chính.
- C. Dân sự.
- D. Kỉ luật.

Câu 53: Bịa đặt người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền thì phải chịu trách nhiệm pháp lý

- A. hình sự.
- B. hành chính.
- C. dân sự.
- D. kỉ luật.

Câu 54: Cố ý đánh người gây thương tích là hành vi xâm phạm đến

- A. tính mạng của công dân.
- B. sức khỏe của công dân.
- C. danh dự của công dân.
- D. nhân phẩm của công dân.

Câu 55: Đi xe máy gây tai nạn cho người khác là hành vi xâm phạm đến

- A. tính mạng của công dân.
- B. sức khỏe của công dân.
- C. tính mạng, sức khỏe của công dân.
- D. danh dự, nhân phẩm của công dân.

Câu 56: Cướp giật tài sản người đi đường là hành vi xâm phạm đến

- A. tính mạng của công dân.
- B. sức khỏe của công dân.
- C. tính mạng, sức khỏe của công dân.
- D. danh dự, nhân phẩm của công dân.

Câu 57: Điều 20 Hiến pháp năm 2013 ghi nhận quyền tự do cơ bản nào sau đây?

A. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân.

- B. Quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội.
- C. Quyền khiếu nại, tố cáo của công dân.
- D. Quyền được phát triển của công dân.

Câu 58: Bất kì ai, dù ở cương vị nào cũng đều không có quyền xâm phạm đến nhân phẩm, làm thiệt hại đến

- A. địa vị của người khác.
- B. danh dự của người khác.
- C. uy tín và phẩm giá của người khác.
- D. danh dự và uy tín của người khác.

Câu 59: Nghiêm cấm những hành vi hung hãn, côn đồ, đánh người gây thương tích, làm tổn hại cho

- A. tinh thần của người khác.
- B. danh dự của người khác.
- C. sức khỏe của người khác.
- D. thân thể của người khác.

Câu 60: Cố ý xâm phạm đến tính mạng của người khác là hành vi nào sau đây?

- A. Vượt đèn đỏ, gây tai nạn làm chết người.
- B. Đánh nhằm người, gây thương tích nặng.
- C. Côn đồ, hung hãn giết người.
- D. Cướp giật tài sản của người khác.

Câu 61: Việc làm nào sau đây **không** phải là hành vi xâm phạm đến quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm?

- A. Chửi mắng người khác một cách thậm tệ.
- B. Bắt, giam, giữ người trái pháp luật.
- C. Bắt trẻ em làm những việc độc hại, nguy hiểm.
- D. Đặt điều, vu khống, bôi nhọ danh dự người khác.

Câu 62: Việc làm nào sau đây **không** vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm?

- A. Bắt quả tang tên trộm lên vào nhà.
- B. Đánh người gây thương tích.
- C. Đe dọa giết người.
- D. Làm chết người.

Câu 63: Việc làm nào sau đây **không** vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm?

- A. Đặt điều nói xấu, vu cáo người khác.
- B. Tôn trọng danh dự, nhân phẩm của cá nhân.
- C. Xúc phạm người khác trước mặt nhiều người.
- D. Chia sẻ thông tin, hình ảnh không chính xác về người khác trên mạng xã hội làm ảnh

hưởng nghiêm trọng đến uy tín của người đó.

Câu 64: Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân là quyền gắn với

- A. tự do cá nhân của con người.
- B. tự do đi lại của con người.
- C. quyền được sống của con người.
- D. cuộc sống hạnh phúc của con người.

Câu 65: Nghi ngờ A vứt rác trộm sang nhà mình nên A và B đã to tiếng với nhau. A tiện tay cầm lấy gậy đánh vào đầu B làm B chảy máu và phải đi bệnh viện điều trị, khâu 5 mũi. Trong trường hợp này, A đã vi phạm quyền gì của B?

- A. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- B. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.
- C. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng.
- D. Quyền tự do về thân thể.

Câu 66: Vì hiểu lầm nhau nên A đã bịa đặt trên Facebook cá nhân của mình về việc B đã có quan hệ yêu đương với nhiều bạn trai nhằm mục đích để nhiều người hiểu xấu về B. Trong trường hợp này, A đã xâm phạm tới

- A. quyền tự do ngôn luận của B.
- B. danh dự và nhân phẩm của B.
- C. tính mạng, sức khỏe của B.
- D. phẩm giá của B.

Câu 67: Nội dung nào sau đây là **sai** theo quy định của pháp luật về quyền được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân?

- A. Không ai được đánh người.
- B. Nghiêm cấm những hành vi hung hãn, côn đồ, đánh người gây thương tích, làm tổn hại cho sức khỏe của người khác.
- C. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến tính mạng của người khác như giết người, đe dọa giết người, làm chết người.
- D. Mọi hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác nhưng không trái với đạo đức thì không vi phạm pháp luật.

Câu 68: Pháp luật cho phép khám chỗ ở của công dân trong trường hợp nào sau đây?

- A. Biết rõ nơi đó có phương tiện gây án.
- B. Biết rõ nơi đó có tài liệu quan trọng.
- C. Biết rõ nơi đó có dao, búa, kiếm.
- D. Biết rõ nơi đó có phương tiện, công cụ nguy hiểm.

Câu 69: Pháp luật cho phép khám chỗ ở của công dân trong trường hợp

- A. có căn cứ khẳng định chỗ ở đó có tài liệu liên quan đến vụ án.
- B. chỗ ở đó có công cụ có thể gây án.
- C. khi biết nơi đó có gây gộc, búa rìu .
- D. nghi ngờ nơi đó có tội phạm.

Câu 70: Khi có căn cứ khẳng định chỗ ở đó có tội phạm truy nã lần trốn

- A. cảnh sát có quyền vào chỗ ở đó để bắt tội phạm.
- B. pháp luật cho phép khám chỗ ở đó.
- C. mọi người có quyền vào đó bắt tội phạm.
- D. cần vào bắt ngay, nếu không tội phạm đó tẩu thoát.

Câu 71: Việc khám chỗ ở của công dân cần phải

- A. có căn cứ khẳng định chỗ ở đó có tài liệu liên quan đến vụ án.
- B. nghi ngờ chỗ ở đó có tội phạm lần trốn.
- C. chỗ ở đó có tài liệu quan trọng.
- D. đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Câu 72: Trường hợp nào sau đây pháp luật cho phép tiến hành khám chỗ ở của công dân?

- A. Khi có quyết định khám xét chỗ ở của Chánh án.
- B. Con nhà hàng xóm lấy cắp điện thoại của mình.
- C. Biết rõ tội phạm đang trốn trong nhà ông B.
- D. Khi có quyết định của cơ quan Nhà nước.

Câu 73: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân được hiểu là

- A. không ai bị bắt trong nhà của mình.
- B. không ai được mắng chửi vào trong nhà của mình.
- C. không ai được tự ý vào nhà của người khác.
- D. không ai được côn đồ trong nhà của người khác.

- Câu 74:** Hành vi hung hãn, côn đồ trong nhà của người khác là hành vi
- bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
 - bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
 - xâm phạm đến danh dự và nhân phẩm của công dân.
 - xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của công dân.
- Câu 75:** Hành vi hung hãn xông vào nhà người khác là hành vi xâm phạm đến
- chỗ ở của công dân.
 - thân thể của công dân.
 - danh dự và nhân phẩm của công dân.
 - tính mạng, sức khỏe của công dân.
- Câu 76:** Cố tình vào nhà người khác tìm kiếm đồ vật mình bị mất là hành vi
- xâm phạm người khác.
 - xúc phạm người khác.
 - trái pháp luật.
 - vi phạm pháp luật.
- Câu 77:** Hành vi xâm phạm đến chỗ ở của công dân là hành vi
- hung hãn, côn đồ trong nhà của người khác.
 - chửi bới vào nhà hàng xóm.
 - xông vào nhà người khác đánh người.
 - vào chỗ ở của công dân bắt tội phạm.
- Câu 78:** Trường hợp nào sau đây **sai** khi khám xét chỗ ở của công dân?
- Khám xét chỗ ở theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.
 - Khám xét chỗ ở khi có quyết định của Hội đồng xét xử.
 - Biết rõ chỗ ở đó có tội phạm truy nã đang lẩn trốn cần xông vào bắt ngay ngăn chặn tội phạm đó trốn thoát.
 - Khi có lệnh khám của Viện trưởng Viện Kiểm sát.
- Câu 79:** Hành vi nào **sai** khi khám xét chỗ ở của công dân?
- Nghiêm cấm hành vi tự ý vào chỗ ở của người khác.
 - Cảnh sát có quyền khám xét chỗ ở của công dân.
 - Không ai tự ý vào chỗ của người khác.
 - Cán bộ có thẩm quyền thực hiện khám chỗ ở theo quy định của pháp luật.
- Câu 80:** Để đảm bảo quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân, pháp luật quy định
- ng nghiêm cấm hành vi tự ý vào chỗ ở của người khác.
 - cho phép cán bộ nhà nước có thẩm quyền được khám chỗ ở theo theo trình tự, thủ tục nhất định.
 - ng nghiêm cấm hành vi tự ý vào chỗ ở của người khác và cho phép cán bộ nhà nước có thẩm quyền được khám chỗ ở theo theo trình tự, thủ tục nhất định.
 - chỉ cảnh sát mới có quyền khám xét chỗ ở của công dân.
- Câu 81:** Ai là người có thẩm quyền ra lệnh khám chỗ ở của công dân?
- Cán bộ nhà nước.
- Công an.
 - Viện trưởng Viện Kiểm sát.
 - Ủy ban nhân dân.
 - Hội đồng nhân dân.
- Câu 82:** Ai **không** có thẩm quyền ra lệnh khám chỗ ở của công dân?
- Chánh án.
 - Công an.
 - Hội đồng xét xử.
 - Thủ trưởng cơ quan điều tra.

Câu 83: Hai cảnh sát đang truy bắt tên tội phạm thì mất hút, họ nghi là tên tội phạm trốn vào nhà ông A. Trong trường hợp này, hai cảnh sát đó sẽ làm gì?

- A. Ra về, không truy bắt tên tội phạm đó nữa.
- B. Yêu cầu ông A cho vào nhà để tìm bắt tên tội phạm.
- C. Chạy thẳng vào nhà ông A truy bắt tên tội phạm.
- D. Ra về và xin lệnh khám nhà ông A.

Câu 84: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân có nghĩa là

- A. công dân có quyền được bảo vệ chỗ ở.
- B. chỗ ở của công dân có quyền được tôn trọng.
- C. công dân có quyền được sống tự do trong nhà của mình.
- D. chỗ ở của công dân được Nhà nước và mọi người tôn trọng.

Câu 85: Chỗ ở của công dân được Nhà nước và mọi người tôn trọng, không ai được

- A. tự do ra vào chỗ ở của người khác.
- B. tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý.
- C. phép vào chỗ ở của người khác.
- D. vào chỗ ở của người khác.

Câu 86: Tự tiện vào chỗ ở của người khác là hành vi vi phạm đến quyền

- A. bất khả xâm phạm của công dân.
- B. hợp pháp của công dân.
- C. bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- D. bảo vệ nơi ở của công dân.

Câu 87: B nghi ngờ con nhà hàng xóm lấy cắp điện thoại của mình, B mắng chửi và vào nhà hàng xóm đó lục lọi tìm điện thoại của mình. Hành động của B xâm phạm đến quyền

- A. bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- B. được bảo hộ danh dự, nhân phẩm của công dân.
- C. tự do cơ bản của công dân.
- D. được bảo vệ nơi ở của công dân.

Câu 88: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân là quyền

- A. tự do cơ bản của công dân.
- B. bất khả xâm phạm của công dân.
- C. tự do hợp pháp của công dân.
- D. cơ bản của công dân

Câu 89: Chỗ ở của công dân được hiểu là

- A. tài sản riêng.
- B. tài sản thuộc quyền sử dụng của công dân.
- C. tài sản riêng hoặc tài sản thuộc quyền sử dụng của công dân, là nơi thờ cúng tổ tiên, là nơi sum họp, nghỉ ngơi của mỗi gia đình.
- D. nơi công dân công tác.

Câu 90: Hoạt động nào sau đây **vi phạm** quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân?

- A. Khám xét chỗ ở của công dân theo quy định của pháp luật khi cần bắt người đang bị truy nã.
- B. Khám xét chỗ ở của công dân theo quy định của pháp luật khi có căn cứ khẳng định chỗ ở của người nào đó có công cụ để thực hiện tội phạm.
- C. Chỉ có người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tổ tụng Hình sự mới có quyền ra lệnh khám xét chỗ ở của công dân.
- D. Nghi ngờ có trộm chạy vào nhà hàng xóm thì cần khám xét chỗ ở ngay, không cần chủ nhà đồng ý, nếu chậm trễ thì tên trộm sẽ chạy mất.

Câu 91: Hoạt động nào sau đây vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân?

- A. Tự tiện xông vào nhà người khác vì nghi ngờ chủ nhà có hành vi sai trái.
- B. Giúp chủ nhà vào nhà khi chủ nhà yêu cầu giúp đỡ.
- C. Chỉ vào chỗ ở của người khác khi được người đó cho phép.
- D. Biết bảo vệ chỗ ở của mình.

Câu 92: Pháp luật quy định mọi người phải có thái độ như thế nào đối với chỗ ở của người khác?

- A. Tôn trọng.
- B. Trang nghiêm.
- C. Có thể tự ý ra vào.
- D. Tuyệt đối không được xâm phạm.

Câu 93: Nội dung nào sau đây **không đúng** về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân?

- A. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý.
- B. Khi có căn cứ khẳng định chỗ ở của người nào đó có tội phạm truy nã thì bất cứ ai cũng có thể khám xét chỗ ở của công dân để bắt tội phạm truy nã.
- C. Phải có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới được khám xét chỗ ở của một người.
- D. Khám xét chỗ ở của công dân phải theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Câu 94: Hành vi nào sau đây **không** xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân?

- A. Khẳng định tên trộm trốn trong nhà mình ông A lục soát, tìm kiếm khắp nơi trong nhà.
- B. H xông vào nhà B tìm kiếm điện thoại mình bị mất.
- C. Cảnh sát chạy theo tên tội phạm vào thẳng nhà ông A để truy bắt.
- D. Ban đêm B trèo qua cổng nhà ông A để lấy trộm đồ.

Câu 95: Bà H nhìn thấy N đang đưa ma túy vào trong nhà N. Trong trường hợp này, bà H sẽ làm gì?

- A. Lợi dụng N vắng nhà, tìm cách vào nhà N để tìm kiếm chỗ cất giấu ma túy.
- B. Kể cho mọi người nghe về việc mình nhìn thấy.
- C. Tiếp tục theo dõi, quan sát.
- D. Báo cho cơ quan công an gần nhất.

Câu 96: Đang chơi bóng đá trên sân, thì bóng bay sang nhà hàng xóm. Em hãy chọn cách nào sau đây?

- A. Nhảy qua cổng nhà hàng xóm để lấy bóng.
- B. Tự mở cổng vào nhà hàng xóm để lấy bóng, dù biết trong nhà hàng xóm có người ở nhà.
- C. Thôi không chơi bóng nữa, vì nhà hàng xóm không có ai ở nhà để xin vào lấy bóng.
- D. Vì nhà hàng xóm không có ai, nên em tự mở cổng vào để lấy bóng.

Câu 97: Khi bị người khác hung hãn xông vào nhà mình. Em sẽ chọn cách nào sau đây?

- A. Bắt trói người đó lại.
- B. Mắng chửi người đó.
- C. Phản đối và tố cáo người đó.
- D. Để người đó muốn làm gì thì làm.

Câu 98: Nhà hàng xóm không có ai ở nhà, nhưng em nhìn thấy trong đó có đám cháy lớn và khói nghi ngút. Em sẽ chọn cách nào sau đây?

- A. Tìm cách vào nhà đó để dập cháy.
- B. Mặc kệ vì đó không phải nhà mình.
- C. Cúi thấp người và tìm cách thoát khỏi đám cháy.
- D. Hô cháy cho mọi người biết và gọi điện ngay đến số 114.

- Câu 99:** Khi biết chắc chắn nhà ông A có tội phạm truy nã đang lẫn trốn thì
- cảnh sát cần vào bắt ngay không cần ông A đồng ý, nếu không tội phạm sẽ tẩu thoát.
 - ai cũng có quyền vào nhà ông A để bắt tội phạm truy nã.
 - báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền gần nhất.
 - ông A có quyền không cho ai vào nhà mình khám xét.
- Câu 100:** Trường hợp nào sau đây **không đúng** khi khám xét chỗ ở của công dân?
- Việc khám xét chỗ ở phải theo trình tự thủ tục do pháp luật quy định.
 - Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác.
 - Công an có quyền khám xét chỗ ở của công dân khi có dấu hiệu nghi ngờ ở đó có tội phạm lẫn trốn.
 - Pháp luật cho phép khám xét chỗ ở của công dân khi có căn cứ khẳng định ở đó có phương tiện gây án.
- Câu 101:** Quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín là quyền
- tự do dân chủ của công dân.
 - tự do hợp pháp của công dân.
 - tự do cơ bản của công dân.
 - làm chủ thư tín của công dân.
- Câu 102:** Người làm nhiệm vụ chuyển thư, điện tín phải
- chu đáo, cẩn thận.
 - chuyển đến tay người nhận.
 - tìm gặp người nhận.
 - đưa đến địa chỉ người nhận.
- Câu 103:** Quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín là loại quyền
- bí mật đời tư của cá nhân.
 - riêng tư cá nhân.
 - cá nhân của công dân.
 - quan trọng của công dân.
- Câu 104:** Việc kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân chỉ được thực hiện trong trường hợp pháp luật có quy định và phải có quyết định của
- cơ quan nhà nước.
 - cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - thủ trưởng cơ quan.
 - thủ trưởng cơ quan cấp trên.
- Câu 105:** Thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân được đảm bảo an toàn và bí mật là
- quyền bí mật của cá nhân.
 - quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.
 - quyền bất khả xâm phạm riêng tư của công dân.
 - quyền bất khả xâm phạm bí mật của công dân.
- Câu 106:** Ý kiến nào sau đây **đúng** khi tiến hành kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín của người khác?
- Thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân được đảm bảo an toàn, bí mật không ai có quyền kiểm soát.
 - Việc kiểm soát thư, điện thoại, điện tín của cá nhân được thực hiện trong trường hợp pháp luật quy định.
 - Việc kiểm soát thư, điện thoại, điện tín của cá nhân phải có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chỉ người có thẩm quyền mới được kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín của người khác.
 - Chỉ những người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và chỉ trong những trường hợp cần thiết mới được tiến hành kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín của người khác.

Câu 107: Tự ý bóc thư của người khác ra xem là

- A. do quá tò mò muốn biết nội dung trong thư.
- B. vi phạm pháp luật.
- C. vì biết trong thư đó có nội dung liên quan đến mình.
- D. vi phạm đạo đức.

Câu 108: Ý kiến nào sau đây là **không đúng** về thư tín, điện thoại, điện tín của công dân?

A. Thư tín, điện thoại, điện tín là phương tiện cần thiết trong đời sống riêng tư của công dân.

- B. Thư tín, điện thoại, điện tín là những phương tiện để thăm hỏi, trao đổi tin tức.
- C. Thư tín, điện thoại, điện tín là những phương tiện để bàn bạc công việc.
- D. Thư tín, điện thoại, điện tín là phương tiện bí mật của công dân.

Câu 109: Nội dung nào sau đây **không đúng** về thư tín, điện thoại, điện tín của công dân?

- A. Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân là bí mật đời tư của cá nhân.
- B. Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được nhà nước và mọi người tôn trọng.
- C. Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được pháp luật bảo vệ.
- D. Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân là tài sản của cá nhân.

Câu 110: Hành vi cố ý nghe lén điện thoại của người khác là hành vi xâm phạm đến quyền

- A. riêng tư cá nhân.
- B. tài sản cá nhân
- C. bí mật đời tư của cá nhân.
- D. tự do cá nhân.

Câu 111: Quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân là

- A. điều kiện cần thiết để đảm bảo đời sống riêng tư của mỗi cá nhân trong xã hội.
- B. bí mật đảm bảo cho đời sống riêng tư của mỗi cá nhân trong xã hội.
- C. đảm bảo đời sống riêng tư của mỗi cá nhân trong xã hội.
- D. bí mật cần thiết để đảm bảo đời sống riêng tư của mỗi cá nhân trong xã hội.

Câu 112: Thư tín, điện thoại, điện tín là bí mật đời tư của cá nhân được

- A. xã hội tôn trọng.
- B. nhà nước và pháp luật bảo vệ.
- C. nhà nước và mọi người tôn trọng.
- D. nhà nước và mọi người tôn trọng, được pháp luật bảo vệ.

Câu 113: Để đảm bảo đời sống riêng tư của mỗi cá nhân trong xã hội điều kiện cần thiết phải thực hiện

- A. quyền bí mật đời tư của cá nhân.
- B. quyền được thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.
- C. quyền bất khả xâm phạm của công dân.
- D. quyền được bí mật của công dân.

Câu 114: Do ghen tức vì cô N là người yêu cũ của chồng mình, Bà H đã giật lấy điện thoại của N và kiểm tra tin nhắn, xem có tin nhắn nào của chồng mình gửi cho N không. Hành động này vi phạm đến quyền

- A. thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.
- B. riêng tư cá nhân.
- C. bí mật của công dân.
- D. bí mật đời tư của cá nhân.

Câu 115: Quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín có vai trò gì đối với mỗi cá nhân?

- A. Giúp bất cứ ai cũng có thể tự tiện mở, xem thư của người khác.
- B. Giúp cá nhân có thể dễ dàng tiêu hủy thư, điện tín của người khác.
- C. Đảm bảo đời sống riêng tư của mỗi cá nhân.
- D. Giúp người làm nhiệm vụ chuyển thư nếu có làm mất thư, điện tín của nhân dân cũng không phải chịu trách nhiệm.

Câu 116: Nội dung nào sau đây **không thuộc** về quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín?

- A. Thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân được đảm bảo an toàn, bí mật.
- B. Việc kiểm soát thư, điện thoại, điện tín của cá nhân được thực hiện trong trường hợp pháp luật quy định.
- C. Việc kiểm soát thư, điện thoại, điện tín của cá nhân phải có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- D. Đã là vợ chồng thì có quyền kiểm soát thư, điện thoại, điện tín của nhau.

Câu 117: Hợp tổ dân phố, mọi người bàn bạc công tác an ninh ở địa phương. Đây là hình thức thể hiện quyền

- A. bàn luận của công dân.
- B. làm chủ của công dân.
- C. thảo luận của công dân.
- D. tự do ngôn luận của công dân.

Câu 118: Quyền tự do ngôn luận là quyền

- A. tự do cơ bản của công dân.
- B. tự do làm chủ của công dân.
- C. tự do hợp pháp của công dân.
- D. tự do bình luận của công dân.

Câu 119: Công dân có quyền tự do phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm của mình về các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước là quyền

- A. bình luận của công dân.
- B. làm chủ của công dân.
- C. tự do ngôn luận của công dân.
- D. thảo luận của công dân.

Câu 120: Quyền nào sau đây đảm bảo cho công dân có điều kiện cần thiết để chủ động và tích cực tham gia vào công việc của nhà nước và xã hội?

- A. Quyền tự do ngôn luận.
- B. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.
- C. Quyền tự do tín ngưỡng.
- D. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 121: Quyền không thể thiếu trong một xã hội dân chủ, là chuẩn mực của một xã hội mà trong đó nhân dân có tự do, dân chủ, có quyền thực sự là quyền

- A. tự do.
- B. tự do tín ngưỡng.
- C. tự do làm chủ.
- D. tự do ngôn luận.

Câu 122: Công dân có thể thực hiện quyền tự do ngôn luận bằng hình thức nào sau đây?

- A. Chia sẻ thông tin thiếu chính xác trên trang mạng cá nhân.
- B. Kiến nghị với các đại biểu quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân trong dịp đại biểu tiếp xúc cử tri ở địa phương.
- C. Đặt điều về người khác làm ảnh hưởng đến uy tín của họ.
- D. Không phát biểu công khai tại các cuộc họp của lớp mà nói xấu sau khi cuộc họp kết thúc.

Câu 123: Hình thức nào sau đây thể hiện quyền tự do ngôn luận?

- A. Nói xấu A, để chia rẽ tình cảm của A và B.
- B. Viết bài gửi đăng báo.
- C. La mắng cấp dưới làm sai.
- D. Tòa án tuyên phạt ông H 6 tháng tù giam.

Câu 124: Hình thức nào sau đây **không** thể hiện quyền tự do ngôn luận?

- A. Phát biểu ý kiến nhằm xây dựng trường lớp.
- B. Phản đối cái sai, cái xấu trong đời sống.
- C. Mắng chửi nhà hàng xóm.
- D. Đề đạt nguyện vọng với đại biểu Quốc hội.

Câu 125: Việc đảm bảo các quyền tự do cơ bản của công dân là trách nhiệm của ai?

- A. Của bộ máy Nhà nước.
- B. Của công an và quân đội.
- C. Của Nhà nước.
- D. Của Viện kiểm sát, Tòa án.

Câu 126: Bên cạnh việc thực hiện tốt các quyền tự do cơ bản của mình thì công dân cần có thái độ như thế nào đối với các quyền tự do cơ bản của người khác?

- A. Thờ ờ, không cần quan tâm vì đó là chuyện của người khác.
- B. Đảm bảo thực hiện với sự hỗ trợ của các cơ quan bảo vệ pháp luật.
- C. Xâm phạm các quyền tự do cơ bản của người khác.
- D. Tôn trọng các quyền tự do cơ bản của người khác.

Câu 127: Công dân có trách nhiệm thực hiện các quyền tự do cơ bản của mình và người khác thông qua việc làm nào?

- A. Tích cực tham gia giúp đỡ cán bộ nhà nước thi hành quyết định bắt người, khám xét trong những trường hợp được pháp luật quy định.
- B. Nói xấu trên mạng xã hội về các cán bộ lãnh đạo của nhà nước.
- C. Tuyên truyền thông tin sai sự thật về các ứng cử viên đại biểu quốc hội khi gần đến kỳ bầu cử.
- D. Thờ ơ với những việc làm trái pháp luật, vi phạm quyền tự do cơ bản của công dân.

Câu 128: Việc làm nào sau đây **không** xâm phạm đến quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân?

- A. Chữa bệnh bằng bùa chú gây hậu quả chết người.
- B. Ném đá lên các ô cửa kính khi tàu chạy qua.
- C. Người bị truy nã thì ai cũng có quyền bắt giữ.
- D. Quay lén người khác rồi tung lên mạng.

Câu 129: Việc làm nào sau đây **không** xâm phạm đến quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân?

- A. Rào dây và cắm điện xung quanh nhà để chống trộm làm chết người.
- B. Lén lách và đọc thư của người khác.
- C. Rêu rao về chuyện riêng của gia đình người khác.
- D. Do ghen ghét, C và D đánh nhau gây trọng thương.

Câu 130: Hành vi nào sau đây vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân?

- A. Sau khi ra khỏi nhà, em luôn khóa cửa cẩn thận.
- B. Lén vào nhà người khác để lấy đồ vật của mình bị rơi.
- C. Không mở cửa cho người lạ vào nhà khi không có người lớn nào trong nhà.
- D. Phát hiện nhà hàng xóm có khói bay lên từ nhà bếp, em điện thoại báo cho chủ nhà và hỏi xin ý kiến về việc phá khóa xông vào nhà kiểm tra.

Câu 131: Hành vi nào sau đây **không** vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân?

- A. Hết hạn cho thuê nhà nhưng ông A không chịu dọn ra khỏi nhà thuê.
- B. Cơ quan có thẩm quyền vào khám nhà bà B, khi có căn cứ trong nhà bà B có hung khí gây án.
- C. Khi phát hiện có người lén trèo vào nhà hàng xóm, em điện thoại ngay cho công an phường.
- D. C tranh chừng cho bạn leo rào vào nhà bên cạnh để hái trộm xoài.

Câu 132: Hành vi nào sau đây **không** vi phạm quyền được đảm bảo an toàn, bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân?

- A. Nghe trộm điện thoại của người khác.
- B. Đọc lén thư điện tử của người khác.
- C. Người làm nhiệm vụ chuyển thư làm mất thư tín của nhân dân.
- D. Nhận được thư của người khác thì tìm cách trả lại cho họ.

Câu 133: Hành vi nào sau đây vi phạm quyền được đảm bảo an toàn, bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân?

- A. Cung cấp địa chỉ thư điện tử và số điện thoại cá nhân của người thân cho người khác.
- B. Không chiếm đoạt bưu phẩm của người khác.
- C. Phê phán, tố cáo những hành vi xâm phạm thư tín, điện thoại của người khác.
- D. Người có thẩm quyền bóc thư của kẻ phạm tội để phục vụ cho công tác điều tra theo đúng quy định của pháp luật.

Câu 134: Hành vi nào sau đây **vi phạm** quyền tự do ngôn luận của công dân?

- A. Viết bài đăng báo phát biểu ý kiến về những vấn đề nóng hổi của xã hội.
- B. Tung tin sai sự thật về người khác trên mạng xã hội.
- C. Phát biểu thẳng thắn tại các cuộc họp tổ dân phố.
- D. Học sinh viết thư đóng góp ý kiến với lãnh đạo nhà trường.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 6.

1-D	2-A	3-A	4-B	5-A	6-B	7-C	8-A
9-B	10-B	11-D	12-C	13-A	14-A	15-B	16-B
17-C	18-A	19-C	20-D	21-D	22-A	23-C	24-B
25-C	26-A	27-A	28-A	29-D	30-D	31-A	32-D
33-B	34-A	35-B	36-D	37-C	38-C	39-B	40-C
41-D	42-C	43-A	44-D	45-D	46-D	47-A	48-A
49-A	50-D	51-D	52-A	53-A	54-B	55-C	56-C
57-A	58-D	59-C	60-C	61-B	62-A	63-B	64-A
65-B	66-B	67-D	68-A	69-A	70-B	71-D	72-C
73-C	74-D	75-A	76-D	77-C	78-C	79-B	80-C
81-C	82-B	83-B	84-D	85-B	86-C	87-C	88-A
89-C	90-D	91-A	92-A	93-B	94-A	95-D	96-C
97-C	98-D	99-C	100-C	101-A	102-A	103-B	104-B
105-B	106-D	107-B	108-D	109-D	110-C	111-A	112-D
113-B	114-D	115-C	116-D	117-D	118-A	119-C	120-A
121-D	122-B	123-B	124-C	125-C	126-D	127-A	128-C
129-B	130-B	131-C	132-D	133-A	134-B		-

BÀI 7: CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN DÂN CHỦ CƠ BẢN.

Câu 1: Theo quy định của pháp luật, những công dân nào đạt độ tuổi dưới đây có quyền bầu cử?

- A. Đủ 18 tuổi trở lên.
- B. Đủ 19 tuổi trở lên.
- C. Đủ 20 tuổi trở lên.
- D. Đủ 21 tuổi trở lên.

Câu 2: Người nào dưới đây có quyền khiếu nại?

- A. Mọi cá nhân, tổ chức.
- B. Chỉ có cá nhân.
- C. Chỉ những người từ 20 tuổi trở lên.
- D. Người chứng kiến hành vi vi phạm pháp luật.

Câu 3: Theo quy định của pháp luật, những công dân nào đạt độ tuổi dưới đây có quyền ứng cử?

- A. Đủ 18 tuổi trở lên.
- B. Đủ 20 tuổi trở lên.
- C. Đủ 21 tuổi trở lên.
- D. Đủ 22 tuổi trở lên.

Câu 4: Người nào dưới đây có quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội?

- A. Tất cả mọi công dân.
- B. Công dân từ đủ 21 tuổi trở lên.
- C. Những người có chức vụ trong xã hội.
- D. Những người đứng đầu trong các cơ quan Nhà nước.

Câu 5: Nguyên tắc nào sau đây **không** phải là nguyên tắc bầu cử?

- A. Phổ thông.
- B. Bình đẳng.
- C. Công khai.
- D. Trực tiếp.

Câu 6: Công dân được hưởng quyền bầu cử và ứng cử một cách

- A. dân chủ.
- B. thiết thực.
- C. công khai.
- D. bình đẳng.

Câu 7: Quyền bầu cử của công dân được thực hiện theo nguyên tắc

- A. bình đẳng, tự nguyện, trực tiếp, bỏ phiếu kín.
- B. tự nguyện, trực tiếp, bỏ phiếu kín.
- C. dân chủ, trực tiếp, phổ thông.
- D. phổ thông, bình đẳng, trực tiếp, bỏ phiếu kín.

Câu 8: Bằng kiến thức đã học, cho biết trong lịch sử phát triển của nhân loại có mấy hình thức để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình?

- A. Hai hình thức.
- B. Ba hình thức.
- C. Bốn hình thức.
- D. Năm hình thức.

Câu 9: Hình thức dân chủ với những quy chế, thiết chế để nhân dân thảo luận, biểu quyết, tham gia trực tiếp quyết định công việc của Nhà nước là

- A. dân chủ.
- B. dân chủ đại diện.

C. dân chủ trực tiếp.

D. dân chủ gián tiếp.

Câu 10: Quyền ứng cử của công dân được thực hiện bằng những con đường nào?

A. Tự ứng cử.

B. Tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử.

C. Tự ứng cử và tự đề cử.

D. Được người khác đề cử.

Câu 11: Ai dưới đây có quyền tố cáo?

A. Các tổ chức trong xã hội.

B. Cá nhân, tổ chức.

C. Công dân.

D. Tất cả mọi đối tượng.

Câu 12: Ở phạm vi cơ sở, dân chủ trực tiếp được thực hiện theo cơ chế nào?

A. Dân được thông tin đầy đủ về chính sách, pháp luật của Nhà nước;

B. Dân được bàn bạc và trực tiếp quyết định những công việc thiết thực;

C. Dân phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước;

D. Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

Câu 13: Trong quá trình bầu cử, việc, mỗi lá phiếu đều có giá trị như nhau thể hiện nguyên tắc nào trong bầu cử?

A. Bình đẳng.

B. Phổ thông.

C. Trực tiếp.

D. Bỏ phiếu kín.

Câu 14: Trong quy định của pháp luật về tố cáo, đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật mà công dân có thể tố cáo là

A. một cá nhân cụ thể.

B. cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

C. tổ chức xã hội.

D. bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào.

Câu 15: Việc nhờ người thân trong gia đình đi bỏ phiếu hộ trong cuộc bỏ phiếu bầu đại biểu quốc hội là vi phạm nguyên tắc gì theo luật bầu cử?

A. Phổ thông.

B. Trực tiếp.

C. Bình đẳng.

D. Bỏ phiếu kín.

Câu 16: Hình thức dân chủ gián tiếp được hiểu là

A. nhân dân tham gia trực tiếp quản lý nhà nước.

B. nhân dân bầu ra những người đại diện của mình.

C. nhân dân lựa chọn những người có uy tín.

D. nhân dân ủy quyền cho những người có năng lực.

Câu 17: Người giải quyết khiếu nại là cơ quan, tổ chức, cá nhân

A. bất kì.

B. có thẩm quyền giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

C. thuộc các Ủy ban nhân dân huyện, tỉnh thành.

D. cán bộ thuộc ngành thanh tra.

Câu 18: Quốc hội, Hội đồng nhân dân do nhân dân bầu ra, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân, và

A. chịu trách nhiệm trước nhân dân.

B. chăm lo hạnh phúc của nhân dân.

C. chấp hành đúng quy định của pháp luật.

D. phải trung thành với Tổ quốc.

Câu 19: Mọi công dân từ đủ 18 tuổi trở lên đều được tham gia bầu cử, trừ các trường hợp đặc biệt bị pháp luật cấm là thể hiện nguyên tắc bầu cử nào sau đây?

- A. Bình đẳng.
- B. Phổ thông.
- C. Trực tiếp.
- D. Bỏ phiếu kín.

Câu 20: Ở nước ta, theo nguyên tắc bầu cử bình đẳng, mỗi cử tri

- A. có nhiều lá phiếu giá trị ngang nhau.
- B. có nhiều lá phiếu giá trị khác nhau.
- C. có một lá phiếu.
- D. có một lá phiếu với giá trị ngang nhau.

Câu 21: Quan điểm nào sau đây **không** đúng khi nói về quyền bầu cử?

- A. Công dân được hưởng quyền bầu cử và ứng cử một cách bình đẳng.
- B. Quyền bầu cử, ứng cử của công dân không phân biệt giới tính.
- C. Công dân phải có một địa vị nhất định trong xã hội khi ra ứng cử.
- D. Đủ tuổi theo quy định của pháp luật mới có quyền bầu cử và ứng cử.

Câu 22: Khi quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm thì công dân cần phải làm gì sau đây?

- A. Nộp đơn khiếu nại lên cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.
- B. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền can thiệp.
- C. Báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết.
- D. Tố cáo người đã ra quyết định sai.

Câu 23: Gửi đơn đến đúng tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khi quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm là chứng tỏ công dân đã thực hiện quyền gì sau đây?

- A. Quyền tự do ngôn luận.
- B. Quyền tự do đi lại.
- C. Quyền khiếu nại.
- D. Quyền tố cáo.

Câu 24: Sau khi có kết quả giải quyết khiếu nại lần 1, người khiếu nại vẫn không đồng ý thì người khiếu nại sẽ làm gì tiếp theo?

- A. Dừng việc khiếu nại.
- B. Gửi đơn đến cơ quan hành chính cao nhất.
- C. Tiếp tục khiếu nại lên người đứng đầu cơ quan hành chính cấp trên hoặc kiện ra tòa.
- D. Kiện ra tòa hành chính thuộc Tòa án nhân dân.

Câu 25: Nhà nước bảo đảm cho công dân thực hiện tốt quyền bầu cử và ứng cử cũng chính là

- A. bảo đảm thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- B. bảo đảm thực hiện quyền được pháp luật bảo hộ về nhân phẩm, danh dự của công dân.
- C. bảo đảm thực hiện quyền công dân, quyền con người trên thực tế.
- D. bảo đảm quyền tự do, dân chủ của công dân.

Câu 26: Quyền bầu cử và quyền ứng cử là cơ sở pháp lý – chính trị quan trọng để

- A. thực hiện cơ chế “ Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.
- B. nhân dân thực hiện hình thức dân chủ trực tiếp.
- C. đại biểu của nhân dân chịu sự giám sát của cử tri.
- D. hình thành các cơ quan quyền lực nhà nước, để nhân dân thể hiện ý chí và nguyện

vọng của mình.

- Câu 27:** Năm nay em vừa đủ 18 tuổi, bố em bảo rằng hôm nay toàn dân đi bầu cử, nhưng bà nội già yếu, mẹ đau, bố bận việc không về được, nên em đại diện gia đình đi bầu cử. Trong trường hợp này e sẽ làm gì?
- A. Vâng lời bố, bầu thay cho bà và mẹ.
 - B. Chỉ đi bỏ phiếu của mình.
 - C. Chờ mẹ và bà đi bầu cử.
 - D. Đi bầu cử và báo cho tổ bầu cử biết.
- Câu 28:** Chị Nguyệt bị Giám đốc công ty kỷ luật với hình thức chuyển công tác khác, nhưng chị Nguyệt cho rằng quyết định kỷ luật đó là sai, nếu là chị Nguyệt em sẽ làm gì?
- A. Làm đơn tố cáo việc làm của giám đốc.
 - B. Làm đơn khiếu nại quyết định kỷ luật sai của giám đốc.
 - C. Lặng lẽ chuyển công tác khác.
 - D. Nghỉ việc.
- Câu 29:** Công dân có quyền khiếu nại trong trường hợp nào dưới đây?
- A. Phát hiện một ổ cờ bạc.
 - B. Phát hiện người buôn bán động vật quý hiếm.
 - C. Phát hiện người lấy cắp tài sản của cơ quan.
 - D. Không đồng ý với quyết định của giám đốc cơ quan.
- Câu 30:** Nhân dân xã B biểu quyết công khai quyết định việc xây dựng nhà văn hóa xã với sự đóng góp của các hộ gia đình. Việc làm này là biểu hiện quyền nào dưới đây của công dân?
- A. Quyền tự do ngôn luận.
 - B. Quyền tự do bày tỏ ý kiến, nguyện vọng.
 - C. Quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội.
 - D. Quyền công khai, minh bạch.
- Câu 31:** Là học sinh lớp 12. Các em có thể thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội bằng cách nào sau đây?
- A. tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.
 - B. tham gia các hoạt động do nhà trường tổ chức.
 - C. góp ý kiến xây dựng các dự thảo liên quan đến học sinh.
 - D. tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa.
- Câu 32:** Nhân dân trong khu dân cư A họp bàn về giữ gìn trật tự, an ninh trong phường. Việc làm này thể hiện quyền nào dưới đây của công dân?
- A. Quyền được bày tỏ ý kiến.
 - B. Quyền kiểm tra giám sát Ủy ban nhân dân.
 - C. Quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội.
 - D. Quyền tự do dân chủ.
- Câu 33:** Vì muốn anh trai mình trúng cử đại biểu hội đồng nhân dân. Bà C đã vận động một số người bỏ phiếu cho anh trai mình. Hành vi của bà C đã vi phạm nguyên tắc bầu cử nào sau đây?
- A. Phổ thông.
 - B. Bình đẳng.
 - C. Trực tiếp.
 - D. Bỏ phiếu kín.
- Câu 34:** Phát hiện thấy một số người đang cưa trộm gỗ trong rừng quốc gia, D đã báo ngay cho cơ quan kiểm lâm. D đã thực hiện quyền nào dưới đây của công dân?
- A. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.
 - B. Quyền tự do ngôn luận.
 - C. Quyền tố cáo.
 - D. Quyền khiếu nại.

Câu 35: Anh B đi xe máy vượt đèn đỏ, bị cảnh sát giao thông xử phạt tiền 400.000 đồng. Cho rằng mức phạt như vậy là quá cao, anh B có thể làm gì trong các việc làm dưới đây cho đúng pháp luật?

- A. Khiếu nại đến Giám đốc công an tỉnh.
- B. Tố cáo với thủ trưởng đơn vị của Cảnh sát giao thông đã xử phạt.
- C. Đăng bài lên Facebook nói xấu người cảnh sát này.
- D. Khiếu nại đến người cảnh sát đã xử phạt mình.

Câu 36: Ở phạm vi dân chủ cơ sở, dân chủ trực tiếp được thực hiện tại các hội nghị toàn thể nhân dân hoặc chủ hộ gia đình về các chủ trương và mức đóng góp bằng cách

- A. tự do phát biểu ý kiến.
- B. không đồng tình với quyết định của chính quyền.
- C. không có biểu hiện gì.
- D. biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín.

Câu 37: Trong đợt bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, ông A đến gần một số người và đề nghị không bỏ phiếu cho những người mà ông không thích. Hành vi của ông A vi phạm nguyên tắc bầu cử nào dưới đây?

- A. Bỏ phiếu kín.
- B. Phổ thông.
- C. Trực tiếp.
- D. Bình đẳng.

Câu 38: M 14 tuổi, làm thuê cho một cửa hàng cơm gần nhà N 15 tuổi. Chứng kiến cảnh M bị chủ nhà mắng chửi, đánh đập, N rất thương M nhưng không biết làm sao. Theo em, N có quyền tố cáo với cơ quan công an không? Vì sao?

- A. Không, vì trẻ em không có quyền tố cáo.
- B. Có, vì học sinh đủ 15 tuổi là có quyền tố cáo.
- C. Không, vì tố cáo là điều không có lợi cho trẻ em.
- D. Có, vì tố cáo là quyền của mọi công dân.

Câu 39: Thấy trong khu dân cư của mình có lò giết mổ gia cầm gây ô nhiễm môi trường, nhân dân trong khu dân cư cần lựa chọn cách xử sự nào dưới đây để thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội trên địa bàn dân cư mình?

- A. Yêu cầu lò mổ gia cầm ngừng hoạt động.
- B. Đòi lò mổ gia cầm bồi thường vì gây ô nhiễm.
- C. Kiến nghị với Ủy ban nhân dân phường để ngừng hoạt động cơ sở này.
- D. Đe dọa những người làm việc trong lò giết mổ gia cầm.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 7.

1-A	2-A	3-C	4-A	5-C	6-D	7-D	8-A
9-C	10-B	11-C	12-D	13-A	14-D	15-B	16-B
17-B	18-A	19-B	20-D	21-C	22-A	23-C	24-C
25-C	26-D	27-D	28-B	29-D	30-C	31-C	32-C
33-D	34-C	35-D	36-D	37-A	38-D	39-C	-

BÀI 8: PHÁP LUẬT VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG DÂN

- Câu 1:** Công dân có quyền học từ Tiểu học đến Trung học, Đại học và sau Đại học là nội dung thuộc quyền nào sau đây?
- Quyền học không hạn chế.
 - Quyền học bất cứ ngành, nghề nào.
 - Quyền học thường xuyên, học suốt đời.
 - Quyền bình đẳng về cơ hội học tập.
- Câu 2:** Văn bản nào sau đây quy định quyền học tập của công dân?
- Hiến pháp, Luật Giáo dục và các văn bản quy phạm pháp luật khác.
 - Hiến pháp, Luật Giáo dục và các Chỉ thị.
 - Hiến pháp, Luật Giáo dục, Luật Hành chính.
 - Hiến pháp, Luật Giáo dục và các Quyết định.
- Câu 3:** Công dân có thể học bất cứ ngành, nghề nào phù hợp với
- sở thích và đam mê của bản thân.
 - năng khiếu của bản thân và điều kiện của gia đình.
 - sở thích của bản thân và quan hệ bạn bè.
 - năng khiếu, khả năng, sở thích và điều kiện của bản thân.
- Câu 4:** Nội dung nào sau đây thể hiện quyền được phát triển của công dân?
- Công dân được đáp ứng mọi nhu cầu về vật chất và được tự do đi lại.
 - Công dân được hưởng đời sống vật chất và tinh thần đầy đủ để phát triển toàn diện.
 - Công dân được tự do làm theo ý thích của mình.
 - Công dân có quyền tự do ngôn luận.
- Câu 5:** Nội dung nào sau đây thuộc về quyền sáng tạo của công dân?
- Học tập suốt đời.
 - Được cung cấp thông tin và chăm sóc sức khỏe.
 - Tự do nghiên cứu khoa học.
 - Khuyến khích để phát triển tài năng.
- Câu 6:** Mục đích của quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân là gì?
- Đáp ứng một số nhu cầu của con người trong cuộc sống
 - Tạo điều kiện cần thiết để con người được phát triển toàn diện.
 - Đáp ứng đầy đủ các nhu cầu vật chất của con người.
 - Thỏa mãn quyền tự do của mỗi cá nhân.
- Câu 7:** Quyền sáng tạo của công dân gồm những quyền nào?
- Quyền tự do ngôn luận và sáng tác văn học.
 - Quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền hoạt động khoa học, công nghệ.
 - Quyền hoạt động xã hội và quyền tự do kinh doanh.
 - Quyền tự do thân thể và hoạt động giải trí.
- Câu 8:** Phương án nào sau đây là nội dung của quyền được phát triển?
- Công dân có quyền được khuyến khích, bồi dưỡng để phát triển tài năng.
 - Công dân được tự do sáng tác văn học và phê bình văn học.
 - Công dân có quyền bình đẳng trong kinh doanh .
 - Công dân được hưởng cuộc sống ấm no và hạnh phúc .
- Câu 9:** Phương án nào sau đây là nội dung của quyền học tập?
- Công dân được khám sức khỏe định kỳ.
 - Công dân có quyền học theo sở thích của mình.
 - Công dân có quyền học thường xuyên, học suốt đời.
 - Công dân được tự do lựa chọn môn học.

Câu 10: Quan điểm nào sau đây là **đúng** khi nói về quyền học tập của công dân?

- A. Mọi công dân đều được tạo điều kiện thuận lợi trong học tập.
- B. Mọi người đều học chung một mặt bằng kiến thức.
- C. Mọi công dân được quan tâm như nhau trong học tập.
- D. Mọi công dân đều được đối xử bình đẳng về cơ hội học tập.

Câu 11: Quyền học tập, sáng tạo và phát triển thuộc quyền nào sau đây?

- A. Quyền phát triển toàn diện của công dân.
- B. Quyền cơ bản của công dân.
- C. Quyền hiểu biết của công dân.
- D. Quyền tự do của công dân.

Câu 12: Nội dung nào dưới đây thể hiện việc Nhà nước bảo đảm quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân?

- A. Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục.
- B. Nhà nước quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội.
- C. Nhà nước tạo điều kiện để mọi người có cuộc sống ấm no.
- D. Nhà nước đầu tư cho các hoạt động xã hội.

Câu 13: Mục đích học tập của công dân là gì?

- A. Cho mình, cho gia đình và cho dòng họ.
- B. Vì bản thân và vì quan hệ bạn bè.
- C. Cho mình, cho gia đình và cho đất nước.
- D. Vì danh dự và tương lai của bản thân.

Câu 14: Việc thu hút các nhà khoa học, công nghệ giỏi ở nước ngoài về Việt Nam làm việc đã thể hiện quá trình thực hiện quyền gì của Nhà nước ta?

- A. Quyền học tập.
- B. Quyền sáng tạo.
- C. Quyền được phát triển.
- D. Quyền tham gia quản lý Nhà nước.

Câu 15: Nhà nước đảm bảo thực hiện tốt quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân nhằm mục đích gì?

- A. Tạo điều kiện cần thiết để con người phát triển toàn diện.
- B. Nâng cao dân trí cho mỗi người.
- C. Khuyến khích mọi người học tập.
- D. Bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

Câu 16: Nội dung nào sau đây thuộc về quyền được phát triển của công dân?

- A. Các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ quan tâm đến nhau.
- B. Nhà khoa học nghiên cứu tạo ra giống cây trồng mới.
- C. Công dân được cung cấp thông tin và chăm sóc sức khỏe.
- D. Các doanh nghiệp có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước.

Câu 17: Nhà nước mở trường chuyên ở cấp trung học phổ thông dành cho những học sinh đạt kết quả xuất sắc trong học tập nhằm mục đích gì?

- A. Ban hành chính sách trong giáo dục.
- B. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục.
- C. Bảo đảm những điều kiện để phát hiện và bồi dưỡng nhân tài.
- D. Khuyến khích, phát huy sự tìm tòi, sáng tạo trong nghiên cứu khoa học.

Câu 18: Nhà nước cấp học bổng cho những học sinh con nhà nghèo nỗ lực vượt khó học giỏi nhằm thực hiện

- A. quyền tự do của người học.
- B. công bằng xã hội trong giáo dục.
- C. khuyến khích sự sáng tạo của công dân.
- D. chú trọng bồi dưỡng nhân tài.

Câu 19: Quyền học tập của công dân **không** bị phân biệt bởi những yếu tố nào dưới đây?

- A. Dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội.
- B. Kinh tế, văn hóa, môi trường sống, sở thích cá nhân, quan hệ bạn bè.
- C. Phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa, ngôn ngữ giao tiếp.
- D. Điều kiện vật chất, khả năng sáng tạo, quan hệ xã hội.

Câu 20: Việc làm nào dưới đây thể hiện quyền sáng tạo của công dân?

- A. Người dân tham gia dọn vệ sinh môi trường.
- B. Bác nông dân đang cày ruộng.
- C. Chị Q đang vẽ tranh.
- D. Học sinh đến trường.

Câu 21: Người dân được xem nhiều chương trình truyền hình khác nhau là thể hiện quyền nào của công dân?

- A. Quyền học tập.
- B. Quyền sáng tạo.
- C. Quyền bình đẳng.
- D. Quyền được phát triển.

Câu 22: Em N (5 tuổi), được khám chữa bệnh miễn phí tại bệnh viện. Em N được hưởng quyền nào dưới đây?

- A. Quyền học tập.
- B. Quyền sáng tạo.
- C. Quyền được phát triển.
- D. Quyền lao động.

Câu 23: Anh M sáng tác được nhiều truyện ngắn có nội dung rất hay. Anh M đã thực hiện quyền nào của mình?

- A. Quyền được phát triển.
- B. Quyền học tập.
- C. Quyền nghiên cứu khoa học.
- D. Quyền sáng tạo.

Câu 24: Em T là con nhà nghèo, sau khi thi đỗ đại học em đã được Nhà nước cấp một suất học bổng trị giá 15 triệu/năm học. Việc làm trên thể hiện chính sách nào của Đảng và Nhà nước ta?

- A. Quan tâm đến những gia đình khó khăn.
- B. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục.
- C. Đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục.
- D. Khuyến khích sự sáng tạo của công dân.

Câu 25: Linh là học sinh lớp 12 và đã có nhiều bài viết đăng trên các báo. Việc làm này của Linh thể hiện quyền nào của công dân?

- A. Quyền sáng tạo.
- B. Quyền được phát triển.
- C. Quyền học tập.
- D. Quyền bình đẳng.

Câu 26: Sau khi đoạt huy chương vàng trong kỳ thi học sinh giỏi quốc tế lớp 12, Nam được tuyển thẳng vào đại học. Việc làm trên thể hiện chính sách nào của Đảng và Nhà nước ta?

- A. Bình đẳng trong giáo dục.
- B. Xã hội hóa giáo dục.
- C. Bồi dưỡng nhân tài.
- D. Nâng cao dân trí.

Câu 27: Vì điều kiện kinh tế gia đình nên sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông, Tuấn không thi vào đại học. Ba năm sau, Tuấn thi đỗ vào một trường đại học dân lập để tiếp tục việc học của mình. Trong tình huống trên, Tuấn đã thực hiện đúng nội dung nào của quyền học tập?

- A. Công dân tự lo cho bản thân mình.
- B. Công dân có quyền học thường xuyên, học suốt đời.
- C. Công dân được đối xử bình đẳng trong quan hệ xã hội.
- D. Mọi công dân đều có quyền tự do sáng tạo.

Câu 28: Anh Q sau thời gian tìm tòi, nghiên cứu đã phát minh ra máy gieo lúa. Anh lo rằng có nhiều người sau khi xem sẽ làm nhái theo sản phẩm của mình. Vậy, anh Q nên đến cơ quan nào để đăng kí quyền tác giả của mình?

- A. Ủy ban nhân dân xã.
- B. Sở Tài nguyên và môi trường.
- C. Sở Khoa học và công nghệ.
- D. Sở Kế hoạch và đầu tư.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 8.

1-A	2-A	3-D	4-B	5-C	6-B	7-B	8-A
9-C	10-D	11-B	12-A	13-C	14-C	15-A	16-C
17-C	18-B	19-A	20-C	21-D	22-C	23-D	24-B
25-A	26-C	27-B	28-C	-	-	-	-

BÀI 9: PHÁP LUẬT VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA ĐẤT NƯỚC.

Câu 1: Căn cứ vào đâu để pháp luật qui định mức thuế khác nhau đối với doanh nghiệp?

- A. Uy tín của người đứng đầu doanh nghiệp.
- B. Ngành, nghề, lĩnh vực và địa bàn kinh doanh.
- C. Thời gian kinh doanh của doanh nghiệp.
- D. Khả năng kinh doanh của doanh nghiệp.

Câu 3: Nhà nước sử dụng công cụ chủ yếu nào để khuyến khích các hoạt động kinh doanh trong những ngành nghề có lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước?

- A. Tỷ giá ngoại tệ.
- B. Thuế.
- C. Lãi suất ngân hàng.
- D. Tín dụng.

Câu 4: Với việc đưa ra qui định về thuế, pháp luật đã tác động đến lĩnh vực nào sau đây?

- A. Môi trường.
- B. Văn hóa.
- C. Kinh tế.
- D. Quốc phòng an ninh.

Câu 5: Những hành vi xâm phạm Hiến pháp, chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của Việt Nam được coi là hoạt động

- A. xâm phạm an ninh quốc gia.
- B. can thiệp từ bên ngoài.
- C. gây mất trật tự xã hội.
- D. phá hoại an toàn xã hội.

Câu 6: Những hành vi xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được coi là hoạt động

- A. can thiệp từ bên ngoài.
- B. phá hoại an toàn xã hội.
- C. gây mất trật tự xã hội.
- D. xâm phạm an ninh quốc gia.

Câu 10: Những vi phạm pháp luật nghiêm trọng về bảo vệ môi trường đều sẽ bị truy cứu trách nhiệm theo qui định của bộ luật nào sau đây?

- A. Bộ luật hình sự.
- B. Luật hành chính.
- C. Luật môi trường.
- D. Luật dân sự.

Câu 11: Hiện nay, đối với bảo vệ môi trường, ngoài việc khắc phục ô nhiễm và suy thoái, chúng ta cần quan tâm đến vấn đề gì?

- A. Ngăn chặn tốc độ suy thoái.
- B. Cải thiện chất lượng môi trường.
- C. Đẩy mạnh chiến dịch tuyên truyền.
- D. Tăng cường tốc độ khai thác.

Câu 12: Luật nghĩa vụ quân sự hiện nay qui định độ tuổi gọi nhập ngũ trong thời bình là bao nhiêu (Trừ trường hợp công dân được đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đã được tạm hoãn gọi nhập ngũ)?

- A. Từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi.
- B. Từ đủ 18 tuổi đến hết 27 tuổi.
- C. Từ 17 tuổi đến hết 27 tuổi.
- D. Từ đủ 17 tuổi đến 25 tuổi .

Câu 13: Lực lượng nào đóng vai trò nòng cốt trong việc giữ vững quốc phòng, an ninh?

- A. Quân đội nhân dân và cảnh sát.
- B. Công an nhân dân và dân quân tự vệ.
- C. Cảnh sát và bộ đội.
- D. Quân đội nhân dân và công an nhân dân.

Câu 14: Hiến pháp nước ta qui định, đối với công dân, bảo vệ Tổ quốc là

- A. nghĩa vụ.
- B. trách nhiệm và nghĩa vụ.
- C. quyền cao quý.
- D. quyền và nghĩa vụ.

Câu 15: Luật nào sau đây qui định quyền và nghĩa vụ kinh doanh?

- A. Luật hôn nhân gia đình.
- B. Luật di sản văn hóa.
- C. Luật thuế thu nhập cá nhân.
- D. Luật dân số.

Câu 16: Nhận định nào sau đây là **sai** khi nói về quyền tự do kinh doanh của công dân?

- A. Muốn kinh doanh công dân phải có đủ điều kiện do pháp luật qui định.
- B. Công dân có quyền kinh doanh những mặt hàng mà pháp luật không cấm.
- C. Công dân có quyền tự do kinh doanh tất cả các ngành nghề mình muốn.
- D. Công dân có quyền tiến hành các hoạt động kinh doanh sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp nhận đăng kí kinh doanh.

Câu 17: Các văn bản nào sau đây góp phần bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên?

- A. Luật quốc phòng, luật an ninh quốc gia, luật nghĩa vụ quân sự.
- B. Luật đầu tư, luật doanh nghiệp, luật thuế thu nhập cá nhân.
- C. Pháp lệnh về dân số, luật giáo dục, luật hôn nhân và gia đình.
- D. Luật bảo vệ môi trường, luật bảo vệ và phát triển rừng, luật thủy sản.

Câu 18: Các văn bản nào sau đây góp phần phát triển các vấn đề xã hội?

- A. Luật quốc phòng, luật an ninh quốc gia, luật nghĩa vụ quân sự.
- B. Luật đầu tư, luật doanh nghiệp, luật thuế thu nhập cá nhân.
- C. Pháp lệnh về dân số, luật giáo dục, luật hôn nhân và gia đình.
- D. Luật bảo vệ môi trường, luật bảo vệ và phát triển rừng, luật thủy sản.

Câu 19: Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên là nhiệm vụ

- A. cơ bản.
- B. quyết định.
- C. quan trọng.
- D. thiết yếu.

Câu 20: Các văn bản nào sau đây góp phần tăng cường quốc phòng và bảo vệ an ninh quốc gia?

- A. Luật Quốc phòng, luật An ninh quốc gia, luật Nghĩa vụ quân sự.
- B. Luật Đầu tư, luật Doanh nghiệp, luật Thuế thu nhập cá nhân.
- C. Luật Di sản văn hóa, luật Xuất bản, luật Báo chí.
- D. Luật Bảo vệ môi trường, luật Bảo vệ và phát triển rừng, luật Thủy sản.

Câu 21: Trong các nghĩa vụ của nhà sản xuất kinh doanh, nghĩa vụ nào là rất quan trọng, cần được nghiêm chỉnh thực hiện?

- A. Kinh doanh đúng ngành nghề.
- B. Tuân thủ các qui định về trật tự an toàn xã hội.
- C. Bảo vệ môi trường.
- D. Đóng thuế theo quy định pháp luật.

- Câu 23:** Đối với mỗi công dân, việc xây dựng một gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc bền vững là thực hiện
- A. nghĩa vụ của chính sách dân số.
 - B. quyền của chính sách dân số.
 - C. quyền và nghĩa vụ của chính sách dân số.
 - D. trách nhiệm và nghĩa vụ của chính sách dân số.
- Câu 24:** Nếu kinh doanh trong những ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn mà nhà nước khuyến khích thì doanh nghiệp có thể được
- A. miễn thuế hoàn toàn.
 - B. được miễn thuế năm đầu tiên.
 - C. miễn thuế trong những năm đầu và đóng thuế ở mức thấp trong những năm sau.
 - D. đóng thuế ở mức thấp.
- Câu 25:** Thông qua các qui định về quyền tự do kinh doanh của công dân và các qui định về thuế, pháp luật đã tác động đến vấn đề gì?
- A. Sự phát triển bền vững của đất nước.
 - B. Sự tăng trưởng kinh tế.
 - C. Sự phát triển kinh tế - xã hội.
 - D. Sự ổn định và phát triển của nền kinh tế.
- Câu 27:** Quyền tự do kinh doanh có nghĩa là mọi công dân
- A. được tự do kinh doanh bất cứ ngành nghề nào, miễn là nộp thuế đầy đủ.
 - B. đều có quyền thành lập doanh nghiệp.
 - C. khi có đủ điều kiện theo qui định của pháp luật đều có quyền hoạt động kinh doanh.
 - D. đều được quyền tự do tuyệt đối trong kinh doanh.
- Câu 28:** Một đất nước phát triển bền vững phải có nền quốc phòng và an ninh như thế nào?
- A. Ổn định.
 - B. Phát triển.
 - C. Vững chắc.
 - D. Tiên tiến.
- Câu 29:** Nói đến nội dung của pháp luật về phát triển các lĩnh vực xã hội là nói đến
- A. các chính sách của Nhà nước trong các lĩnh vực xã hội.
 - B. quyền bình đẳng của công dân trong lĩnh vực xã hội.
 - C. nghĩa vụ của công dân trong lĩnh vực xã hội.
 - D. các qui định của pháp luật về các lĩnh vực xã hội.
- Câu 30:** Nguồn tài nguyên nào được xem là tài nguyên quý báu của đất nước, có giá trị to lớn đối với nền kinh tế quốc dân?
- A. Than.
 - B. Rừng.
 - C. Nước.
 - D. Vàng.
- Câu 31:** Các vấn đề xã hội nào được Đảng, Nhà nước ta quan tâm?
- A. Môi trường, dân số, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống tệ nạn xã hội, xóa đói giảm nghèo.
 - B. Việc làm, dân số, xóa đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống tệ nạn xã hội.
 - C. Việc làm, dân số, chống mê tín dị đoan, phòng chống tệ nạn xã hội, xóa đói giảm nghèo.
 - D. Xóa đói giảm nghèo, dân số, phòng chống tệ nạn xã hội, môi trường, việc làm.

Câu 32: Trong vấn đề dân số, Đảng và Nhà nước ta có chú trọng chủ trương nào?

- A. Đẩy mạnh tốc độ gia tăng dân số.
- B. Kiểm chế sự gia tăng nhanh dân số.
- C. Ưu tiên đầu tư cho chính sách dân số.
- D. Giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em.

Câu 33: Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên là

- A. nhiệm vụ quan trọng.
- B. động lực quan trọng.
- C. mục tiêu quan trọng.
- D. nguyên tắc quan trọng.

Câu 34: Công ty A xây dựng hệ thống xử lý chất thải trước khi hoạt động sản xuất kinh doanh.

Mục đích của việc này là

- A. bảo vệ môi trường sản xuất kinh doanh của công ty.
- B. đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh.
- C. thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong sản xuất kinh doanh.
- D. bảo vệ nguồn nước sạch của công ty.

Câu 35: Trong những biện pháp bảo vệ môi trường, biện pháp nào sau đây là quan trọng nhất?

- A. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm môi trường.
- B. Khắc phục ô nhiễm, suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường.
- C. Tăng cường sự quản lý của Nhà nước.
- D. Trừng trị nghiêm khắc các hành vi phá hoại môi trường.

Câu 36: Trong bảo vệ môi trường, việc làm nào sau đây có tầm quan trọng đặc biệt?

- A. Lao động vệ sinh trường học.
- B. Bảo vệ rừng.
- C. Hướng ứng ngày chủ nhật xanh.
- D. Dọn rác trên bãi biển.

Câu 37: Pháp luật về bảo vệ môi trường, nghiêm cấm hành vi nào sau đây?

- A. Trồng cây gây rừng.
- B. Dọn rác trên bãi biển.
- C. Ứng dụng công nghệ xử lý chất thải vào sản xuất.
- D. Khai thác, kinh doanh các loài động vật hoang dã.

Câu 38: Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của

- A. nhà nước.
- B. các cơ quan chức năng.
- C. mọi tổ chức, cá nhân.
- D. công dân đủ 18 tuổi trở lên.

Câu 39: Đối với công dân, bảo vệ môi trường là

- A. nghĩa vụ.
- B. trách nhiệm.
- C. quyền và trách nhiệm.
- D. quyền hạn.

Câu 40: Pháp luật qui định củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia là nhiệm vụ của

- A. công an nhân dân.
- B. toàn dân.
- C. bộ đội.
- D. dân quân tự vệ.

Câu 41: Hành động nào sau đây **vi phạm** pháp luật về quốc phòng, an ninh?

- A. Đến sống và học tập tại quốc gia đã từng xâm lược nước mình.
- B. Tham gia nghĩa vụ quân sự khi đủ tuổi.
- C. Tuyên truyền gây chia rẽ giữa các tôn giáo.
- D. Tham gia tích cực các hoạt động xã hội.

Câu 42: Quốc phòng và an ninh có vai trò

- A. đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.
- B. trực tiếp giữ gìn và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
- C. xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh.
- D. huy động sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.

Câu 43: Trong tình hình hiện nay, để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam, đòi hỏi chúng ta phải không ngừng

- A. tăng cường phát triển kinh tế.
- B. hội nhập sâu rộng với các nước.
- C. áp dụng các thành tựu khoa học kĩ thuật hiện đại.
- D. tăng cường quốc phòng và an ninh.

Câu 44: Hải sau khi tốt nghiệp THPT đã không thi đỗ đại học. Đang ở nhà giúp đỡ bố mẹ công việc gia đình thì Hải có giấy gọi đi khám sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ quân sự. Hải tìm mọi cách để trốn tránh không đi. Hành vi của Hải đã vi phạm pháp luật nào sau đây?

- A. Luật dân sự.
- B. Luật hình sự.
- C. Luật nghĩa vụ quân sự.
- D. Luật hành chính.

Câu 45: Một đất nước phát triển bền vững phải có nền kinh tế như thế nào?

- A. Tốc độ tăng trưởng cao.
- B. Có cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến bộ.
- C. Phát triển ổn định.
- D. Có sự tăng trưởng liên tục và vững chắc.

Câu 46: Trong xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa hiện nay, để đảm bảo sự lâu dài và hiệu quả, mỗi quốc gia nên chọn phát triển theo hướng

- A. năng động.
- B. sáng tạo.
- C. bền vững.
- D. liên tục.

Câu 47: Những vấn đề cần được ưu tiên giải quyết trong quá trình hướng tới mục tiêu phát triển bền vững là

- A. kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường và quốc phòng an ninh.
- B. kinh tế, dân số, văn hóa, môi trường và quốc phòng an ninh.
- C. kinh tế, việc làm, bình đẳng giới, văn hóa, xã hội.
- D. kinh tế, văn hóa, xã hội, bình đẳng giới và quốc phòng an ninh.

Câu 48: Công cụ, phương tiện nào được xem là có vai trò nổi bật nhất để thực hiện chiến lược phát triển bền vững của đất nước?

- A. Văn hóa.
- B. Pháp luật.
- C. Tiền tệ.
- D. Đạo đức.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 9.

1-B	2-A	3-B	4-C	5-A	6-D	7-C	8-A
9-C	10-A	11-B	12-A	13-D	14-D	15-C	16-C
17-D	18-C	19-C	20-A	21-D	22-B	23-A	24-C
25-A	26-A	27-C	28-C	29-D	30-B	31-B	32-B
33-A	34-C	35-A	36-B	37-D	38-C	39-C	40-B
41-C	42-B	43-D	44-C	45-D	46-C	47-A	48-B

ĐÀ NẴNG